

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN Y  
TỈNH HÀ GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2021/HNGĐ-ST

Ngày 25 tháng 3 năm 2021

V/v “Ly hôn”

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH HÀ GIANG**

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:***

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Đoàn Ngọc Vĩnh

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Bà Phạm Thị Thoả;

2. Nguyễn Thị Hiên.

***- Thư ký phiên tòa:*** Ông Hoàng Văn Đạng – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang tham gia phiên tòa:*** Ông Nguyễn Hoàng Anh - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 3 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 51/2020/TLST- HNGĐ ngày 05/10/2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 01/2021/QĐXXST- HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 01/2021/QĐST-DS ngày 05/02/2021; Quyết định hoãn phiên tòa số: 02/2021/QĐST-DS ngày 25/02/2021 giữa các đương sự:

***1. Nguyên đơn:*** Chị Lý Thị H, sinh năm: 1990; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Nùng; Địa chỉ: Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang. Có mặt.

***2. Bị đơn:*** Anh Nguyễn Văn V, sinh năm: 1990; Nghề nghiệp: Làm ruộng; Dân tộc: Tày; Địa chỉ: Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Vắng mặt.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Tại đơn xin ly hôn ngày 07/7/2020, bản tự khai ngày 09/10/2020 biên bản lấy lời khai của đương sự ngày 23/12/2020 và tại phiên tòa nguyên đơn chị Lý Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn V, qua thời gian tìm hiểu và đăng ký kết hôn trên cơ sở tự nguyện vào ngày 08/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang. Sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc cho đến



năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do vợ chồng chưa có con và do anh V chơi bời đánh bạc dẫn đến nợ nần và phải bán cả nhà đất để trả nợ, mặc dù chị đã nhiều lần khuyên nhủ anh V tu chí làm ăn không chơi bời đánh bạc nữa nhưng anh V không nghe dẫn đến tình cảm vợ chồng không còn và ngày càng mâu thuẫn trầm trọng H, vì thế chị đã bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang ở và sống ly thân anh V từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, không ai còn quan tâm gì đến nhau nữa. Nay chị H nhận thấy tình trạng hôn nhân của vợ chồng không có hạnh phúc, đời sống hôn nhân không thể kéo dài thêm vì bản thân chị không còn dành tình cảm cho anh V, nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn anh Nguyễn Văn V.

Về con chung: Chị H xác nhận vợ chồng chưa có con.

Về tài sản chung: Chị H xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về công nợ chung: Chị H xin tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 04/01/2021 bị đơn anh Nguyễn Văn V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Lý Thị H đăng ký kết hôn ngày 08/9/2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang trên cơ sở tự nguyện, quá trình chung sống hạnh phúc không có mâu thuẫn gì, tuy nhiên đến tháng 7 năm 2020 chị H tự bỏ về nhà bố mẹ đẻ tại Thôn Đ, xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang ở và không trở về nhà chung sống cùng anh, mặc dù anh đã xuống nơi chị H ở, khuyên nhủ để đón chị H về nhà nhưng chị H không về. Anh xác nhận trước kia, anh có một thời gian chơi bời nhưng đã tu chí làm ăn và không tụ tập chơi bời đã lâu, vẫn quan tâm đến gia đình. Nay chị H xin ly hôn, anh không nhất trí và đề nghị Tòa án giải quyết cho vợ chồng anh được đoàn tụ.

Về con chung: Anh V xác nhận vợ chồng chưa có con.

Về tài sản, công nợ chung: Anh V xác nhận vợ chồng không có tài sản chung, công nợ chung, không có yêu cầu giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 05/01/2021 Trưởng Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang cung cấp: Anh V, chị H kết hôn năm 2009 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, sau khi kết hôn vợ chồng ra ở riêng được ba bốn năm thì phát sinh mâu thuẫn, anh V bán nhà đất vợ chồng về ở cùng bố mẹ sau đó chị H bỏ đi, anh V cũng ít khi thấy có mặt tại địa phương, vợ chồng sống ly thân nhau cho đến nay, tôi thấy mâu thuẫn vợ chồng anh V chị H thực sự trầm trọng, không có khả năng hàn gắn vì vợ chồng đã ly thân không ở với nhau nữa.

Đối với bị đơn vắng mặt tại phiên tòa: Sau khi thụ lý đơn khởi kiện, thông báo thụ lý vụ án, qua xác minh anh Nguyễn Văn V thường xuyên vắng mặt tại địa phương, đi đâu và làm gì không ai biết, anh V cũng không khai báo với chính quyền địa phương về việc thường xuyên vắng mặt ở nơi cư trú, Tòa án đã tiến hành tổng đạt các văn bản tố tụng và niêm yết công khai tại thôn C, Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang là nơi cư trú của bị đơn. Quá trình giải quyết



vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn V vẫn vắng mặt dù đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nên Toà án không thể tiến hành các thủ tục tố tụng theo đúng quy định tại Điều 204; 207; 208 và Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Toà án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền, xác định quan hệ tranh chấp; Trong quá trình điều tra thu thập chứng cứ Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Việc thu thập chứng cứ, tổng đạt đảm bảo quyền của đương sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên toà và nguyên đơn kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn vắng mặt trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà, vi phạm nghĩa vụ tham gia tố tụng quy định tại Điều 70, 72 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Lý Thị H, cho chị Lý Thị H được ly hôn anh Nguyễn Văn V. Về tài sản, công nợ chung: Nguyên đơn không yêu cầu Toà án giải quyết nên không xem xét. Về án phí: Miễn án phí dân sự sơ thẩm cho chị Lý Thị H.

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu được thẩm tra tại phiên toà, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của nguyên đơn chị Lý Thị H, ý kiến của Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Về thẩm quyền: Nguyên đơn chị Lý Thị H yêu cầu Toà án giải quyết ly hôn với anh Nguyễn Văn V, cư trú tại Thôn C, xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang là tranh chấp hôn nhân gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân huyện Y, tỉnh Hà Giang theo quy định khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Sau khi thụ lý vụ án, Toà án đã tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự; nguyên đơn chấp hành tốt các quyết định của Toà án; bị đơn thường xuyên vắng mặt tại nơi cư trú, không chấp hành các quyết định của Toà án gây khó khăn cho công tác điều tra, thu thập chứng cứ; Toà án quyết định đưa vụ án ra xét xử và đã triệu tập hợp lệ nhiều lần cho đương sự, nhưng tại phiên toà hôm nay bị đơn vẫn vắng mặt, căn cứ điểm b



khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn anh Nguyễn Văn V.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lý Thị H và anh Nguyễn Văn V tự nguyện kết hôn sau một thời gian tìm hiểu, kết hôn đúng điều kiện, nơi đăng ký kết hôn là tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Y, tỉnh Hà Giang vào ngày 08/9/2009 nên hôn nhân giữa chị H và anh V là hợp pháp; sau khi kết hôn vợ chồng chung sống được một thời gian dài thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là vợ chồng chưa có con, chị H đi làm ăn xa anh V không đồng ý, mặt khác do anh V chơi bời dẫn đến nợ nần phải bán nhà đất để trả nợ từ đó tình cảm vợ chồng rạn nứt mặc dù chị H đã tha thứ nhiều lần nhưng anh V không thay đổi, vợ chồng sống ly thân không còn quan tâm, chăm sóc nhau từ tháng 7 năm 2020 cho đến nay, chị H xin ly hôn, anh V không nhất trí vì cho rằng vợ chồng không có mâu thuẫn, tuy nhiên anh V thừa nhận trước đây anh có chơi bời; xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, kéo dài, các bên cũng không thiết tha tìm biện pháp hoà giải đoàn tụ, dẫn đến hôn nhân giữa chị H và anh V đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên cho chị Lý Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn V là phù hợp đúng với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[4] Về con chung: Chị H và anh V xác nhận vợ chồng không có con, không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về tài sản, công nợ chung: Chị H và anh V không yêu cầu Toà án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Các đề nghị của Kiểm sát viên tham gia phiên toà về việc giải quyết toàn bộ vụ án là có căn cứ, đúng quy định của pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[7] Về án phí: Chấp nhận đơn xin miễn án phí của chị Lý Thị H ngày 05/10/2020 vì chị H là người dân tộc thiểu số (dân tộc Nùng) sinh sống ở xã Q, huyện Q, tỉnh Hà Giang là xã có điều kiện kinh tế - xã hội đặc biệt khó khăn nên miễn toàn bộ án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lý Thị H theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8] Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 1, khoản 2 Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm đ khoản 1 Điều 12, Điều 15 của Nghị quyết số:



326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Lý Thị H.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Lý Thị H được ly hôn với anh Nguyễn Văn V.

2. Về án phí: Miễn 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí ly hôn sơ thẩm cho chị Lý Thị H. Trả lại cho chị Lý Thị H 300.000<sup>d</sup> (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số: BB/2010/04140 ngày 05/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Y, tỉnh Hà Giang.

3. Về quyền kháng cáo: Chị Lý Thị H có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; anh Nguyễn Văn V có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

*Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.*

**Nơi nhận:**

- TAND tỉnh Hà Giang;
- VKSND tỉnh, huyện;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS H Y;
- UBND xã M, H Y;
- Lưu HS, VP;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

**Đoàn Ngọc Vĩnh**